

| | |
|-----------------------------------|-----------------------|
| CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM | |
| CÔNG VĂN ĐẾN | Số: 28 ngày 28/5/2021 |
| | CHUYÊN |
| | Lãnh đạo CC |
| | Phòng: P. Kiểm |
| | VP: Lưu hồ |
| Sao | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01_CASING/DPV/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam)

Địa chỉ: Đường A5, khu A, KCN phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên

Điện thoại: 02213 789 879 Fax: 02213 789 887

E-mail: admin@drossapharm.asia

Mã số doanh nghiệp: 0900646942

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 39/2020/NNPTNT-HY cấp ngày 22/07/2020 bởi Cục Thú Y.

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: Vỏ bọc xúc xích, lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi.
- Thành phần: Muối tinh ($\text{NaCl} \geq 54\%$), ruột non lợn.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 năm kể từ ngày sản xuất
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi LDPE sau đó đặt trong thùng nhựa, thùng xốp hoặc thùng carton.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam); Đường A5, khu A, KCN phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Về nhãn hàng hoá.
- Thông tư 24/2013/TT-BYT Ban hành "Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm".

CÔNG TY TNHH DROSSAPHARM Á CHÂU (VIỆT NAM)

TCCS 01:2021/DPV_CASING

Lần ban hành: 01

Lần sửa đổi: 00

**VỎ BỌC XÚC XÍCH, LẠP XƯƠNG ƯỚP MUỐI
CHẾ BIẾN TỪ RUỘT NON LỢN loại 100m/búi**

| | Biên soạn & soát xét | Phê duyệt |
|-------------------|---------------------------------|--|
| Họ và tên: | Nguyễn Nhật Quang | Phạm Thị Kim Thơm |
| Chức danh: | TP. Quản lý chất lượng | Giám đốc Công ty |
| Chữ ký: | |  |
| Ngày: | 06/05/2021 | 10/05/2021 |

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Kim Thơm

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2021/DPV do Giám đốc Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam) phê duyệt ban hành theo Quyết định số 01/2021/QĐ-DPV ngày 10 tháng 05 năm 2021.

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và qui định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ qui định về kiểm soát tài liệu của Công ty.

Mục lục

| | |
|--|---|
| 1. Phạm vi áp dụng..... | 3 |
| 2. Thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt..... | 3 |
| 3. Tài liệu viện dẫn..... | 3 |
| 4. Yêu cầu kỹ thuật | 3 |
| 5. Phương pháp thử | 4 |
| 6. Ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển..... | 4 |

00,
Y TN
PH:
HÀ
NAD
HUS

1. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, Lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** do Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam) sản xuất.

- 2. Thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt:** Vỏ bọc xúc xích, Lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn có tên viết tắt bằng tiếng Anh là Casing.

3. Tài liệu viện dẫn:

- Luật số 55/2010/QH12 An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Về nhãn hàng hoá.
- Thông tư 24/2013/TT-BYT Ban hành “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm”.
- Quy định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 01 - 04: 2009/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Kỹ thuật lấy và bảo quản mẫu thịt tươi từ các cơ sở giết mổ và kinh doanh thịt để kiểm tra Vi sinh vật.

4. Yêu cầu kỹ thuật**4.1. Chỉ tiêu cảm quan:**

- Các chỉ tiêu cảm quan đối với sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, Lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** được quy định như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Yêu cầu | Phương pháp thử |
|----|------------------------|--|-----------------|
| 01 | Hình dạng bên ngoài | Ở thể rắn, dạng ống, sợi. Trên bề mặt sợi có phủ một lớp muối tinh để bảo quản. | Quan sát |
| 02 | Màu sắc và mùi vị | Từ trắng xám, trắng ngà tới vàng đậm; mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi và dấu hiệu của sự phân hủy, hư hỏng (chua, ôi, thiu) | Quan sát |
| 03 | Vật ngoại lai sắc cạnh | Không được phép | Quan sát |

4.2. Chỉ tiêu chất lượng:

- Các chỉ tiêu hóa, lý của sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** phải phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật và mức chất lượng như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Mức chất lượng | Phương pháp thử |
|----|--------------------|-----|----------------|---------------------|
| 01 | Độ ẩm (max) | % | 35,0 | TK TCVN 8135 - 2009 |
| 02 | Hàm lượng Protein | % | 7 - 12 | TK TCVN 8134 - 2009 |
| 03 | Hàm lượng chất béo | % | ≤ 1,0% | TK TCVN 8136 - 2009 |
| 04 | Hàm lượng glucit | % | ≤ 0,3 % | TK TCVN 4594 : 88 |
| 05 | Hàm lượng chất tro | % | 54 - 68 | TK TCVN 8124 - 2009 |
| 06 | Hàm lượng NaCl | % | 54 - 66 | TK TCVN 3701 - 2009 |

4.3. Chỉ tiêu vi sinh vật

- Chỉ tiêu vi sinh vật trong sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** phải phù hợp với **QCVN 8-3:2012/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm và **Quy định 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm trong đó có 1 chủng vi sinh vật thường gặp được quy định trong bảng sau:

| TT | Loại vi khuẩn | ĐVT | Mức chất lượng | Phương pháp thử |
|----|--------------------------------|-------|---------------------|------------------|
| 01 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | 1 x 10 ⁵ | ISO 4833-1:2013 |
| 02 | <i>Coliforms tổng</i> | CFU/g | 1 x 10 ² | ISO 4832:2006 |
| 03 | <i>E.Coli</i> | CFU/g | 1 x 10 ² | ISO 16649-2:2001 |
| 04 | <i>Salmonella</i> * | CFU/g | Không có | ISO 6579-1:2017 |
| 05 | <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g | 1 x 10 ² | ISO 06888-1:1999 |
| 06 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | 1 x 10 ² | ISO 7937:2004 |

* không có trong 25g mẫu

4.4. Chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và chất kích thích tăng trưởng

- Dư lượng thuốc thú y trong sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** phải phù hợp với thông tư **24/2013/TT-BYT** “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm” và **Quy định 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm trong đó có 1 số hoá chất thông dụng được quy định trong bảng sau:

| TT | Tên thuốc thú y | ĐVT | Mức tối đa | Tham khảo phương pháp thử |
|----|---|-------|------------|-------------------------------|
| 01 | Chlotetracycline/Oxytetracycline/ Tetracycline | µg/kg | 200 | TK TCVN 8748:2011 HPLC-DAD |
| 02 | Clenbuterol | µg/kg | 0,6 | QTTN/KT3 049:2012 LCMSMS |
| 03 | Ractopamine | µg/kg | 10 | TK TCVN 11599:2016 HPLC-RF |

4.5. Chỉ tiêu kim loại nặng

- Hàm lượng Kim loại nặng trong sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** phải phù hợp với **QCVN 8-2:2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; và **Quy định 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm trong đó 1 số kim loại nặng nguy hiểm dễ gặp nhất được quy định trong bảng sau:

| TT | Kim loại nặng | ĐVT | Mức tối đa | Tham khảo phương pháp thử |
|----|----------------|-------|------------|---------------------------|
| 01 | Chì (Pb) | mg/kg | 0,5 | AOAC 2015.01 |
| 02 | Cadimi (Cd) | mg/kg | 1,0 | AOAC 2015.01 |
| 03 | Thủy ngân (Hg) | mg/kg | 0,05 | AOAC 2015.01 |
| 04 | Asen | mg/kg | 1,0 | AOAC 2015.01 |

5. Phương pháp lấy mẫu

- Việc lấy mẫu được thực hiện trên cơ sở **QCVN 01 - 04: 2009/BNNPTNT**.

6. Hướng dẫn sử dụng, bao gói, ghi nhãn, bảo quản

6.1. Hướng dẫn sử dụng

- Nguyên liệu làm vỏ bọc trong chế biến xúc xích, lập xưởng....Không ăn được trực tiếp, rửa sạch muối trước khi nhồi nguyên liệu. Không nhồi quá căng vì có thể làm bục vỏ.

6.2. Bao gói

- Sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** được đựng trong túi PE đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ y tế. Tiếp đó túi PE được chứa trong thùng nhựa hoặc thùng xốp để bảo vệ bên ngoài.
- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được phân loại theo đường kính và chiều dài sợi, sau đó buộc thành các búi và đóng gói theo quy cách **100 m/búi**. Các túi PE chứa vỏ bọc xúc xích được xếp trong thùng theo quy cách 10, 20, 30, 40, 50 búi/thùng hoặc theo số lượng khách hàng yêu cầu.

6.3. Ghi nhãn

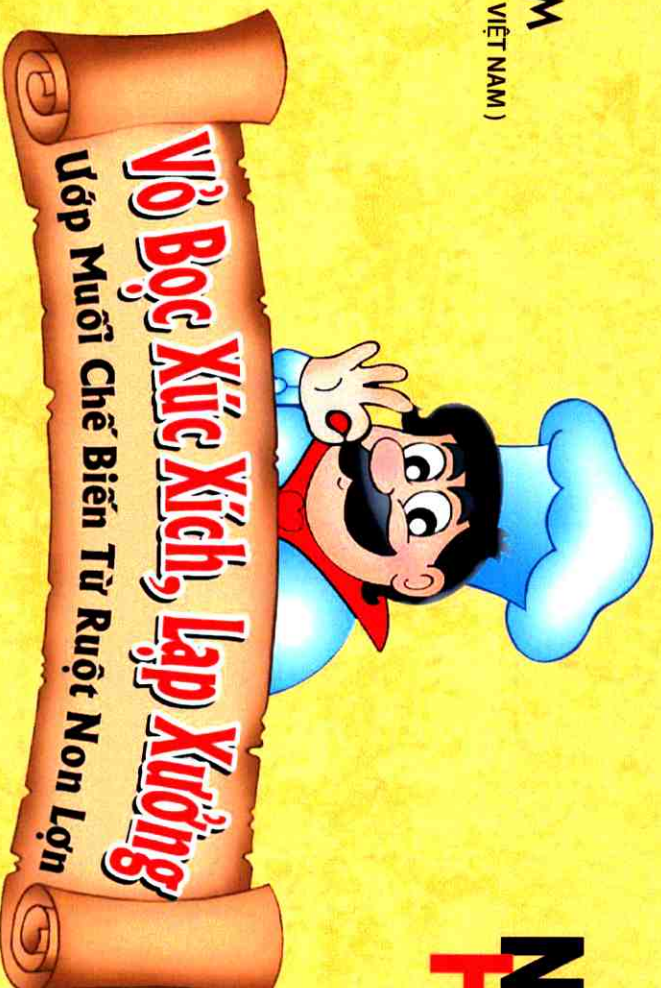
- Nhãn sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** được dán bên ngoài vỏ thùng chứa theo quy định tại Nghị định số **43/2017/NĐ-CP** Về nhãn hàng hoá của Chính phủ.

6.4. Bảo quản

- Nhãn sản phẩm **Vỏ bọc xúc xích, lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn 100 m/búi** cần được bảo quản ở nhiệt độ 0 – 5°C. Tránh các tác nhân ngoại lai và ánh sáng.



All Natural
HogCasings



Chiều dài tổng số (m): _____ Tổng số búi: _____

Loại đường kính (mm): _____ Loại chiều dài (m): _____ Phẩm cấp: _____

Số lô: _____ Ngày sản xuất: _____ Ngày hết hạn: _____

Thành phần cấu tạo: Muối tinh (54-66%), ruột non lợn.

Hướng dẫn sử dụng: Nguyên liệu làm vỏ bọc trong chế biến xúc xích, lạp xưởng....Không ăn được trực tiếp, rửa sạch muối trước khi nhồi nguyên liệu. Không nhồi quá căng có thể làm bục vỏ.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, 0 - 5(°C), tránh tác nhân ngoại lai và ánh sáng.

Số xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP:

Sản xuất và đóng gói tại:

CÔNG TY TNHH DROSSAPHARM Á CHÂU (VIỆT NAM).

Địa chỉ: Đường A5, Khu A, KCN Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại:(+84) 2213 789 879 Fax: (+84) 2213 789 887

Email: Reception@drossapharm.asia

Facebook: www.facebook.com/NaturalHogCasing?ref=tn_tmm

Dưới sự giám sát chặt chẽ từ tập đoàn DROSSAPHARM AG (THUY SĨ)

Vị trí đặt mã số mã vạch
sản phẩm

Hưng Yên, ngày 10 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH DROSSAPHARM Á CHÂU (VIỆT NAM)

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 052 23 000 126 cấp lần 2 ngày 06 tháng 03 năm 2014 ban hành bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ban hành ngày 28 tháng 9 năm 2007 về việc Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 (hai) Tiêu chuẩn cơ sở, gồm:

- **TCCS 01:2021/DPV_CASING** – VỎ BỌC XÚC XÍCH, LẠP XƯỜNG ƯỚP MUỐI CHẾ BIẾN TỪ RUỘT NON LỢN loại 100m/búi.
- **TCCS 02:2021/DPV_CASING** – VỎ BỌC XÚC XÍCH, LẠP XƯỜNG ƯỚP MUỐI CHẾ BIẾN TỪ RUỘT NON LỢN loại 10m/búi.

Điều 2. Công bố việc áp dụng TCCS nói trên cho sản phẩm tương ứng do Công ty sản xuất và cung ứng.

Điều 3. Các cá nhân và đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện, đảm bảo các sản VỎ BỌC XÚC XÍCH, LẠP XƯỜNG ƯỚP MUỐI CHẾ BIẾN TỪ RUỘT NON LỢN do Công ty sản xuất phù hợp với yêu cầu quy định trong các TCCS nói trên.

Điều 4. Bộ phận Quản lý chất lượng, sản xuất chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, cập nhật trong quá trình áp dụng những TCCS này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Kim Châm

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

BẢN SAO

- Tên mẫu: **Vỏ bọc xúc xích, lạp xưởng ướp muối chế từ ruột non lợn. Lô 2021 CS09**
Name of sample
2. Khách hàng: **Công ty TNHH Drosspharm Á Châu (Việt Nam)**
Customer
3. Số lượng mẫu: **01 túi**
Quantity
4. Ngày nhận mẫu: **10/03/2021**
Date of receiving
5. Tình trạng mẫu: **Mẫu trong túi khóa zip.**
Status of sample
6. Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 10/03/2021 Đến ngày: 01/04/2021**
Test duration From To

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO
TRƯỜNG ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
 Head of Lab

GIÁM ĐỐC
 Director

Ngày: 20-05-2021

Số chứng thực: 5. No. Quyền số: 4.....SCT/BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN NGUYỆT
 Nguyễn Trần Quân



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm



CÔNG CHỨNG VIÊN

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....2021/439/TN4/03...

Trang/Page 2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

| STT Item | Tên chỉ tiêu Specifications | Đơn vị Unit | Phương pháp thử Test methods | Kết quả Results |
|-------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 1. | Hàm lượng chì (*) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0,03) |
| 2. | Hàm lượng cadimi (*) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0,01) |
| 3. | Hàm lượng thủy ngân (*) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0,01) |
| 4. | Hàm lượng asen (*) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0,01) |
| 5. | Hàm lượng Salbutamol, | µg/kg | QTTN/KT3 049:2012 (LCMSMS) | Không phát hiện (LOD=0,04) |
| 6. | Hàm lượng Clenbuterol, | µg/kg | QTTN/KT3 049:2012 (LCMSMS) | Không phát hiện (LOD=0,04) |
| 7. | Hàm lượng Chloramphenicol, | µg/kg | QTTN/KT3 049:2012 (LCMSMS) | Không phát hiện (LOD=0,04) |
| 8. | Hàm lượng Ractopamin, | µg/kg | TK TCVN 11599:2016 (HPLC – RF) | Không phát hiện (LOD=10,0) |
| 9. | Hàm lượng Oxytetracycline, | µg/kg | TK TCVN 8748:2011 (HPLC- DAD) | Không phát hiện (LOD=20,0) |

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận Villas; LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp



Số/No:.....21/403/TN8.....

Trang/Page 1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / *Sample name* **Vỏ bọc xúc xích lập xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn . Lô 2021 CS09**
2. Khách hàng / *Customer* **Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam)**
3. Số lượng mẫu / *Quantity* **01 túi**
4. Ngày nhận mẫu: 10 / 03 / 2021
Date of receiving :
5. Tình trạng mẫu / *Status of sample* **Mẫu đựng trong túi zip**
6. Thời gian thực hiện / *Test duration* **Từ ngày/ From: 10 / 3 / 2021 đến ngày/ to: 15 / 3 / 2021**

BẢN SAO

| STT Item | Tên chỉ tiêu Specifications | Phương pháp thử Test method | Kết quả Results | |
|-------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1 | Tổng vi sinh vật hiếu khí , | CFU/g | ISO 4833-1:2013 | 3,7x10 ² |
| 2 | Coliform, | CFU/g | ISO 4832: 2006 | < 1,0x10 ¹ |
| 3 | E.coli , | CFU/g | ISO 16649-2:2001 | < 1,0x10 ¹ |
| 4 | C.perfringens , | CFU/g | ISO 7937:2004 | < 1,0x10 ¹ |
| 5 | S. aureus, | CFU/g | ISO 6888-1: 1999 | < 1,0x10 ¹ |
| 6 | Salmonella spp. | /25g | ISO 6579-1:2017 | Không phát hiện |

Hà Nội ngày 15 / 3 / 2021

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH - GMO

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

[Signature]



Ngày: 20 -05- 2021

Lê Thị Thúy Hằng
 Số Chứng thực: SSK... Quyền số: 07...SCT/BS.

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phan Thị Nguyệt

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 2021/439/TN4/01

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

BẢN SAO

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Vỏ bọc xúc xích, lạp xưởng ướp muối chế biến từ ruột non lợn Lô 2021CS09**
2. Khách hàng/Customer: **Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam)**
3. Số lượng mẫu/Quantity: **01 túi**
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **10/03/2021**
5. Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu được đựng trong túi nilon.**
6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 10/03/2021 đến ngày/To: 25/03/2021**

| STT Item | Tên chỉ tiêu Specifications | Đơn vị unit | Phương pháp thử Test methods | Kết quả Results |
|-------------|--------------------------------|----------------|---------------------------------|--------------------|
| 1. | Hàm lượng Protein (N x 6,25) | % | TK TCVN 8134 - 2009 | 7,87 |
| 2. | Hàm lượng NH ₃ , | mg/100g | TK TCVN 3706 - 90 | 0,0 |
| 3. | Độ ẩm, | % | TK TCVN 8135 - 2009 | 31,92 |
| 4. | Hàm lượng chất béo, | % | TK TCVN 8136 - 2009 | 0,47 |
| 5. | Hàm lượng tro tổng, | % | TK TCVN 8124 - 2009 | 58,68 |
| 6. | Hàm lượng NaCl, | % | TK TCVN 3701 - 2009 | 58,55 |
| 7. | Hàm lượng gluxit, | % | TK TCVN 4594: 88 | 0,0 |

Ghi chú: TK là tham khảo

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁM ĐỐC
 Director

**TRƯỞNG PHÒNG
 THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
 Head of Lab

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
 ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 26-05-2021

Số chứng thực: 504... Quyền số: 4... SCT/BS.

Nguyễn Trần Quân



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

CÔNG CHỨNG VIÊN
 Phan Thị Nguyệt

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

**CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH**

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam).

Mã số/ Approval number: GC.06-VN.

Địa chỉ/ Address: Đường A5, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại/ Tel: 02213 789 879

Fax: 02213 789 887

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:

1. Thực phẩm có nguồn gốc động vật (foods of animal origin)

Số cấp/ Number: 39/2020/NNPTNT-HY.

Có hiệu lực đến ngày 22 tháng 7 năm 2023.

Valid until (date/month/year): 22/7/2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 20-05-2021

Số chứng thực:.....(228).....Quyển số:(9).....SCT/BS.

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020

Issued on 22/7/2020

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phan Thị Nguyệt



Nguyễn Thu Thủy

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: **052 23 000 126**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 06 tháng 3 năm 2014

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 15/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư do đại diện Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam) nộp ngày 28/02/2014,



TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

1. Công ty Drossapharm Asia Limited
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1401, 14/F, World Commerce Centre, Harbour city, 7-11 Canton Road Tsunshatsui Kowloon Hồng Kông.
 - Giấy chứng nhận thành lập công ty số 1514944 do Văn Phòng đăng ký công ty Hồng Kông cấp ngày 14/10/2010.
 - Đại diện theo pháp luật: Ông Ambros Jurg Lutz; sinh ngày 22/6/1981; quốc tịch: Thụy Sĩ; hộ chiếu số F0287134 do Ủy ban Basel Land, tỉnh Cantòn, Thụy Sĩ cấp ngày 04/7/2003; địa chỉ đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Neumattstrasse 44, 4103 Bottmingen, Thụy Sĩ; chức vụ: Chủ tịch.
2. Ông Gerhard Johann Leypoldt; sinh ngày 17/3/1971; quốc tịch: Đức; Hộ chiếu số 923810561 do Ủy ban thành phố Augsburg, Đức cấp ngày 05/02/2007; địa chỉ đăng ký thường trú: 78/284 Lumpini Narathiwas Chaophraya, Chongnonsi Yannawa Bangkok 10120, Thái Lan.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH DROSSAPHARM Á CHÂU (VIỆT NAM).**

- Tên giao dịch: **DROSSAPHARM ASIA (VIETNAM) COMPANY LIMITED.**

- Tên viết tắt: **DROSSAPHARM VIETNAM**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Đường A5, Khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Doanh nghiệp chế xuất.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Chế biến ruột non của lợn; tách, chiết xuất và tinh chế tiền chất hóa học từ lớp niêm mạc nhầy ruột non của lợn; phân loại và chế biến vỏ xúc xích. | 1010 |

5. Vốn điều lệ: 4,85 tỷ đồng (tương đương với 250.000 đô la Mỹ).

6. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Giá trị phần vốn góp | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|---|-----------|---------|
| 1 | Công ty Drossapharm Asia Limited | 4.704,5 triệu đồng (tương đương với 242.500 đô la Mỹ) | 97 | |
| 2 | Ông Gerhard Johann Leypoldt | 145,5 triệu đồng (tương đương 7.500 đô la Mỹ) | 3 | |

7. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: GERHARD JOHANN LEYPOLDT; Giới tính: Nam

Chức vụ: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/3/1971

Quốc tịch: Đức

Hộ chiếu số: 923810561

Ngày cấp: 05/02/2007

Nơi cấp: Ủy ban thành phố Augsburg, Đức

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 78/284 Lumpini Narathiwas Chaophraya, Chongnonsi Yannawa Bangkok 10120, Thái Lan.

Chỗ ở hiện nay: Khách sạn Sofitel Plaza, số 1 đường Thanh Niên, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điều 2 : Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY DROSSAPHARM Á CHÂU (VIỆT NAM).**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Chế biến ruột non của lợn; tách, chiết xuất và tinh chế tiền chất hóa học từ lớp niêm mạc nhầy ruột non của lợn. Quy mô công suất thiết kế: 400kg/năm.

- Phân loại và chế biến vỏ xúc xích. Quy mô công suất thiết kế: 1 triệu chiếc/năm.

31-C
PHỐ
CH
AN NGU
HÀO-T



3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất thuộc khu A, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Diện tích đất sử dụng: 10.000 m².

4. Tổng vốn đầu tư đăng ký: 168,56 tỷ đồng (tương đương với 08 triệu đô la Mỹ). Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 4,85 tỷ đồng (tương đương với 250.000 đô la Mỹ). Tiến độ góp vốn: Chủ đầu tư cam kết đã góp đủ vốn góp để thực hiện dự án.

5. Thời gian hoạt động dự án: Đến ngày 15/01/2054.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Đăng ký giãn tiến độ thực hiện dự án cụ thể như sau:

- Hoàn thành xây dựng nhà xưởng tháng 4/2012;
- Hoàn thành lắp đặt máy móc thiết bị tháng 4/2012;
- Đưa một phần Dự án đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2014;
- Hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động trong năm 2014.

Điều 3: Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung, theo đúng tiến độ đầu tư đã đăng ký, và cam kết.

- Thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chấp hành đầy đủ các điều kiện, quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc 01 bản cấp cho Công ty TNHH Drossapharm Á Châu (Việt Nam) và 01 bản đăng ký tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 20-05-2021

Số chứng thực: 5.18 Quyển số: 4SCT/BS.

TRƯỞNG BAN



Phạm Thái Sơn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phan Thị Nguyệt